TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Dương Tuấn Kiệt
2. Bà Đào Đắc Cẩm Tú
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ, ngày 6 tháng 02 năm 2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐ-ST, ngày 7/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: - Bà Trần Thị H, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Số 96 Ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
- Bị đơn: - Ông Lâm Văn T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số 12 Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Vào năm 2012 bà H và ông T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên gồm: Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 7/9/2012 và cháu Lâm Trần Châu A sinh ngày 10/2/2017 hiện hai cháu đang sống chung với ông T. Nay về con chung tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/2/2023 bà H có thay đổi về yêu cầu

nuôi con, bà H thống nhất để ông T nuôi dưỡng 02 con chung và thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho ông T mỗi tháng là 2.000.000đ/2cháu/tháng cho đến khi hai con đù 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Lâm Văn T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 7/9/2012 và cháu Lâm Trần Châu A sinh ngày 10/2/2017 bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng*:* Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*:

Bà Trần Thị H và ông Lâm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà H không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông T và bà H đã có với nhau 02 con chung là cháu Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 7/9/2012 và cháu Lâm Trần Châu A sinh ngày 10/2/2017 hiện hai cháu đang sống chung với ông T. Nay về con chung bà H có ý kiến là thống nhất để 02 con chung sống với ông T bà H sẽ đồng ý cấp dưỡng cho ông T mỗi tháng là 2.000.000đ/2 cháu. Xét thấy, hiện nay hai con chung là cháu Ngân và cháu Anh đang sống với ông T, bà H cũng thống nhất để hai cháu tiếp tục sống với ông T vì vậy cần tiếp tục để hai cháu được tiếp tục sống với ông T và giao cháu Ngân và cháu Anh cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Bà H thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho ông T mỗi tháng là 1.000.000đ/ cháu/tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy việc bà H thống nhất đóng góp cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi chung nêu trên.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

- *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lâm Văn T.

- *Về con chung*: Ông T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 07/9/2012 và cháu Lâm Trần Châu A sinh ngày 10/02/2017 đến đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho bà H không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lâm Văn Tmỗi tháng là 1.000.000đ/ cháu/tháng cho

đến khi cháu Ngân và cháu Anh đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

- *Về tài sản chung*: Không có**.**

- *Về nợ chung:* Không có

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0002845, ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà H phải nộp thêm số tiền 300.000đ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải